TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:18/2019/HS-ST
Ngày: 27/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Lương Văn Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Cần

Ông Lò Văn Yêu

Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Kiến Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số: 03/TB – HSST ngày 20 tháng 6 năm 2019 đối với các bi cáo:

Bị cáo: Lê Văn T — tên gọi khác: Không, sinh năm 1983.

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12. Con ông: Lê Văn K, sinh năm: 1952 (đã chết). Con bà: Lê Thị D, sinh năm 1954; trú tại Khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Sìn Thị N, sinh năm: 1992 (đã ly hôn) Con: Bị cáo có con là Lê Bảo L, sinh năm 2010, hiện sống cùng bị cáo và mẹ của bị cáo tại khu 7, thi trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03 ngày 08/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1, Điều 138, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự và khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".

Đến ngày 27/9/2007, tại bản án hình sự sơ thẩm số 76 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1, 5 Điều 138, điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Hiện đều đã được xóa án tích.

- Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2018 đến nay.(có mặt)

2. Bị cáo: Nguyễn Ngọc C, tên gọi khác: không, giới tính: Nam, sinh năm 1979.

- Nơi Sinh: Huyện T – Lai Châu

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Nguyễn Trung D, sinh năm: 1944. Con bà: Phạm Thị C, sinh năm 1940, hiện cả bố và mẹ bị cáo đều trú tại khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình. Vợ: Đỗ Thị H, sinh năm: 1986. Con: Bị cáo có con tên là Nguyễn Đỗ T, sinh năm 2016, hiện sống cùng mẹ tại khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/01/2019 đến nay.(có mặt)

*** Bị hại:**

Lê Trung K, trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.(có mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Lê Xuân Đ, trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không lý do).

2. Nguyễn Thị V, trú tại Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không lý do).

3. Lê Viễn D, trú tại bản N, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không lý do).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Tòng Văn M, trú tại bản B, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không lý do).

2. Nguyễn Mạnh T, trú tại Phường Đ, Thành phố Lai Châu, tỉnh lai Châu (vắng mặt không lý do).

3. Nguyễn Văn L, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

4. Phạm Ngọc K, trú tại bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không lý do).

5. Nguyễn Văn Q, trú tại Tổ 8, phường T, Thành phố Lai Châu, tỉnh lai Châu (vắng mặt không lý do).

6. Nguyễn Văn C, trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt không lý do).

7. Sa Văn V, trú tại Thôn B, xã C, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (vắng mặt không lý do).

8. Trần văn Q, trú tại Số 786, Đường Đ, Phường M, Thành Phố yên Bái, tỉnh Yên Bái (vắng mặt không lý do).

9. Ngô Thái T, trú tại Số 50, Đường C, xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội (vắng mặt không lý do).

10. Chu Văn H, trú tại Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 28/4/2018, Lê Văn T đi cùng một người bạn tên là N (*không rõ nhân thân, lai lịch*) từ huyện T xuống thị trấn Tân Uyên để gặp anh Lê Trung K, sinh năm 1982, trú tại Khu 2, thị trấn T, huyện T để thuê xe ô tô tự lái. Tại nhà Lê Trung K, Lê Văn T nhờ chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1984 *(là vợ của K)* làm hợp đồng thuê xe với nội dung anh K cho anh T thuê xe ô tô nhãn hiệu ISUZU TROOPER, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 25K - 8686, thời gian thuê xe từ ngày 28/4/2018 đến ngày 08/5/2018, giá cho thuê xe là 800.000 đồng/01ngày, khi hết thời hạn cho thuê xe mà anh T có nhu cầu thuê tiếp thì phải lập một hợp đồng cho thuê xe mới kế tiếp. Sau khi thiết lập hợp đồng, Anh K giao cho anh T chiếc xe ô tô và yêu cầu T phải trả trước tiền thuê xe, K đưa giấy đăng ký xe, bảo hiểm, giấy

đăng kiểm, biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ của xe ô tô cho Lê Xuân Đ, sinh năm 1981, trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu đi cùng T lên huyện Tam Đường để lấy trước tiền thuê xe. T, N và Đ đi xe ô tô lên nhà nghỉ PUTALENG thuộc thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường để gặp Lê Viễn D, sinh năm 1987, trú tại bản N, xã S, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Tại đây, T vay của D số tiền 15.000.000 đồng và để chiếc xe ô tô thuê của K lại cho D để làm tin, việc vay mượn này không phát sinh lãi và không thiết lập hợp đồng, T đưa cho Đ số tiền 7.000.000 đồng đây là tiền thuê xe T trả trước theo yêu cầu của K.

Đến ngày 30/4/2018, T liên lạc với D để mang xe ô tô đi cầm cố lấy tiền trả nợ cho D. Do T đang nợ tiền D nên D đồng ý và cùng T mang xe ô tô lên thành phố Lai Châu để cầm cố nhưng chủ hiệu cầm đồ yêu cầu phải có giấy tờ mua bán xe của chủ xe thì mới đồng ý cầm cố. Vì vậy, T đã gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1979, trú tại khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu là cán bộ tư pháp của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu để nhờ C làm giấy tờ mua bán xe và T nói với C sẽ trả tiền để cảm ơn khi C làm xong giấy tờ mua bán xe. Lúc này, T mượn điện thoại của Lê Viễn D để chụp ảnh đăng ký và đăng kiểm của xe ô tô và nhờ D gửi ảnh này qua Zalo cho C còn T dùng điện thoại của mình gửi tin nhắn văn bản cho C về thông tin người mua là Nguyễn Văn L, sinh năm 1991, trú tại bản P, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu, việc T lấy thông tin của L để gửi cho C làm giấy tờ giả thì L không biết. Sau khi nhận tin nhắn từ T, C dùng thông tin đã nhận được để làm một hợp đồng mua bán xe ô tô với nội dung: Ngày 26 tháng 5 năm 2015 giữa bên bán mang tên Nguyễn Mạnh T, Hộ khẩu thường trú: Phường Đ, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu *(Theo thông tin có trong đăng ký xe)* và bên mua mang tên Nguyễn Văn L, sinh năm: 1991, Chứng minh nhân dân số: 045141504, Hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. C dùng hợp đồng mua bán xe đè lên một văn bản khác có chữ ký của ông Tòng Văn M là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T và dùng bút tô theo chữ ký này vào phần chứng thực hợp đồng, C dùng dấu của Ủy ban nhân dân xã T, đóng dấu tên Tòng Văn M và dấu chức danh Chủ tịch UBND xã T đóng vào hợp đồng. Làm xong, C gọi điện thoại cho T và được T chuyển cho số tiền 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng),* đồng thời T thuê một người lái taxi lạ mặt xuống huyện T để lấy giấy tờ mua bán xe từ C (*D không biết việc T mượn điện thoại chụp ảnh đăng ký và đang kiểm xe tô gửi cho C là để làm giấy mua bán xe giả*). Có giấy mua bán xe T tiếp tục rủ D quay lại cửa hiệu cầm đồ để cầm cố xe nhưng lúc này người chủ không đồng ý cầm cố nữa.

Do không cầm cố được xe, không có tiền trả nợ cho Phạm Ngọc K, sinh năm 1975, trú tại Bản T, xã B, huyện T và D nên cùng ngày 30/4/2018, tại nhà nghỉ

PUTALENG T và K thống nhất, nhờ Lê Viễn D viết một giấy tờ mua bán xe với nội dung T bán chiếc xe này cho K với số tiền 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*). Số tiền trên T không được nhận vì K đã trừ vào số tiền T nợ và trả cho Lê Viễn D 15.000.000 đồng mà trước đó T vay để trả tiền thuê xe cho K. Sau đó, Phạm Ngọc K bán chiếc xe ô tô ISUZU TROOPER, biển kiểm soát 25K – 8686 cho Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983, trú tại Tổ 8, phường T, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu với số tiền 35.000.000 đồng *(Ba mươi năm triệu đồng)*. Nguyễn Văn Q mang chiếc xe này về bán cho ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966, trú tại T, T, Y, Vĩnh Phúc với số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*. Nguyễn Văn C mang xe về tân trang làm mới xong rồi bán lại cho anh Sa Văn V, sinh năm 1979, trú tại Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái với số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*. Ngày 03/7/2018 anh V bán lại xe cho anh Trần Văn Q, sinh năm 1983, trú tại Số 786, đường Đ, phường M, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với số tiền 73.000.000 đồng *(Bảy mươi ba triệu đồng)*. Trần Văn Q bán lại xe cho Ngô Thái T, sinh năm 1981, trú tại số 50, đường 2, xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội với số tiền 76.000.000 đồng *(Bảy mươi sáu triệu đồng)*. Ngày 22 tháng 10 năm 2018, anh T bán lại chiếc xe này cho anh Chu Văn H, sinh năm 1985, trú tại Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn với số tiền 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*. Ngày 22 tháng 02 năm 2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã thu giữ chiếc xe này khi anh Chu Văn H đang quản lý, sử dụng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C quá trình điều tra bị cáo đã tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phá một số vụ án. Ngoài ra gia đình bị can có bố là Nguyễn Trung D và mẹ là Phạm Thị C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì, số tiền bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đã nộp lại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu nên: Bị cáo Lê Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Ngọc C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

b)Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Kết luận định giá tài sản số 18, ngày 13/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Tân Uyên kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU

TROOPER, biển kiểm soát 25K – 8686, sản xuất năm 1998, màu sơn xanh lam có giá trị 80.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 29 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Chữ ký đúng tên Tòng Văn M trên hợp đồng mua bán xe ô tô *(đề ngày 26/5/2015, tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu giữa bên bán là Nguyễn Mạnh T, bên mua là Nguyễn Văn L)* là chữ ký trực tiếp.

Tại Kết luận giám định số 72 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Chữ ký đúng tên Tòng Văn M trên hợp đồng mua bán xe ô tô *(đề ngày 26/5/2015, tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu giữa bên bán là Nguyễn Mạnh T, bên mua là Nguyễn Văn L)* với các chữ ký đúng tên Tòng Văn M trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Vật chứng vụ án gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZUTROOPER, biển kiểm soát 25K - 86.86, số máy: 567826; số khung: 7106023, màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng kèm theo 01 giấy đăng ký xe ô tô số: 001604, do Công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 03/12/2010 và 01 đăng kiểm xe ô tô số: 6821181 do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 11/7/2018.

Quá trình điều tra xác định số vật chứng trên là tài sản hợp pháp của Lê Trung K, sinh năm 1982 trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T. Ngày 04/3/2019, CQĐT Công an huyện Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số vật chứng trên cho Lê Trung K.

Về dân sự:

Bị hại Lê Trung K yêu cầu bị cáo Lê Văn T bồi thường 40.000.000 đồng tiền hao mòn xe và tiền thuê xe.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc K, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Sa Văn V, Trần Văn Q, Ngô Thái T, Chu Văn H là những người đã mua lại xe ô tô nhãn hiệu ISUZU TROOPER biển kiểm soát 25K-8686 mà T chiếm đoạt trái phép của Lê Trung K, tất cả đều yêu cầu được hoàn trả lại số tiền mà họ đã bỏ ra mua xe.

c) Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-TU ngày 14/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại diểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Ngọc C về tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại diểm c khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tân Uyên giữ nguyên quan điểm truy tố của mình đồng thời phân tích, đánh giá toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo:

Lê Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Nguyễn Ngọc C về tội "Giả mạo trong công tác".

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 359; khoản 2 Điều 65; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng, giao bị cáo cho UBND xã T giám sát, giáo dục.

Vật chứng vụ án 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU TROOPER, biển kiểm soát 25K - 86.86, số máy: 567826; số khung: 7106023, màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng kèm theo 01 giấy đăng ký xe ô tô số: 001604, do Công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 03/12/2010 và 01 đăng kiểm xe ô tô số: 6821181 do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 11/7/2018.

Quá trình điều tra xác định số vật chứng trên là tài sản hợp pháp của Lê Trung K, sinh năm 1982 trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T. Ngày 04/3/2019, CQĐT Công an huyện Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số vật chứng trên cho Lê Trung K nên không phải giải quyết.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng bị cáo C được hưởng từ việc làm giấy tờ giả cho T để bán chiếc xe, số tiền này do phạm tội mà có. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Hiện số tiền này bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên theo biên lai số 0005720 ngày 19/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự xét thấy việc thỏa thuận của bị cáo với người bị hại là tự nguyện đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận số tiền bồi thường 40.000.000 đồng giữa bị hại Lê Trung K và bị cáo Lê Văn T.

Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét, việc vắng mặt của những người liên quan trong vụ án, không thể giải quyết được phần dân sự, việc tách phần dân sự ra để giải quyết thành vụ án dân sự khác, không ảnh hưởng gì đối với việc xét xử bị cáo Lê Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, tách phần dân sự ra để giải quyết bằng một vụ án khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo; tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngày 28 tháng 4 năm 2018, Lê Văn T đến nhà anh Lê Trung K, sinh năm 1982, trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T để thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU TROOPER, biển kiểm soát 25K – 8686 giá trị 80.000.000 đồng. Đến ngày 30/4/2018, do muốn mang xe đi cầm cố nhưng không có giấy tờ mua bán xe, Lê Văn T đã gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc C là công chức Tư pháp – Hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã T nhờ C làm giấy mua bán xe và hứa sẽ trả công sau khi C làm xong. Nguyễn Ngọc C mặc dù biết rõ đây là việc làm trái pháp luật nhưng do hám lời nên C đã sử dụng thông tin mà T cung cấp làm một hợp đồng mua bán xe rồi giả mạo chữ ký của ông Tòng Văn M là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu để xác nhận vào hợp đồng. Sau đó chuyển hợp đồng cho T để lấy số tiền 6.000.000 đồng. Có hợp đồng mua bán xe T tiếp tục mang xe đi cầm cố nhưng không được, T đã gọi điện thoại cho Phạm Ngọc K, sinh năm 1975, trú tại bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu để cầm cố xe ô tô trên và hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ PUTALENG. Tại đây Lê Văn T và Phạm Ngọc K đã nhờ Lê Viễn D làm một hợp đồng mua bán chiếc xe nhãn hiệu ISUZU TROOPER biển kiểm soát 25K – 8686 trên cho Phạm Ngọc K với giá 90.000.000 đồng. Số tiền trên K không trả tiền mà trừ vào số tiền T đang nợ, đồng thời K thay T trả cho anh Lê Viễn D số tiền 15.000.000 đồng trước đó T vay để trả tiền thuê xe cho anh Lê Trung K.

Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội:"lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giả mạo trong công tác”.

Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc C là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu là Cơ quan hành chính Nhà nước cấp xã.

Tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo đều phù hợp với các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ. Do vậy đối với bị cáo T cần được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T cần có một mức án phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất đinh để bị cáo cải tạo giáo dục mình thành người lương thiện.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C quá trình điều tra bị cáo đã tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phá một số vụ án, ngoài ra gia đình bị cáo có bố là Nguyễn Trung D và mẹ là Phạm Thị C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống mỹ hạng nhì, số tiền do bị cáo phạm tội mà có đã nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu nên cần được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo C không nhất thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội để bị cáo cải tạo giáo dục ở xã, thị trấn cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo thành người lương thiện.

Về kinh tế các bị cáo là đối tượng kinh tế khó khăn, không giữ chức vụ gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xử phạt bổ sung đối với các bị cáo quy định tại khoản 5 điều 175 và khoản 5 Điều 359 Bộ luật hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vật chứng vụ án 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU TROOPER, biển kiểm soát 25K - 86.86, số máy: 567826; số khung: 7106023, màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng kèm theo 01 giấy đăng ký xe ô tô số: 001604, do Công an tỉnh Lai Châu cấp ngày

03/12/2010 và 01 đăng kiểm xe ô tô số: 6821181 do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 11/7/2018.

Quá trình điều tra xác định số vật chứng trên là tài sản hợp pháp của Lê Trung K, sinh năm 1982 trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T. Ngày 04/3/2019, CQĐT Công an huyện Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số vật chứng trên cho Lê Trung K nên không phải giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự đối với bị hại: Xét thấy việc thỏa thuận là của bị cáo với người bị hại là tự nguyện đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, nghi nhận sự thỏa thuận số tiền bồi thường 40.000.000 đồng giữa bị hại Lê Trung K và bị cáo Lê Văn T.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc K, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Sa Văn V, Trần Văn Q, Ngô Thái T, Chu Văn H: Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tại phiên tòa, không thể giải quyết được phần dân sự. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét và cần tách phần dân sự ra để giải quyết thành vụ án dân sự khác. Việc tách phần dân sự không ảnh hưởng gì đối với việc xét xử bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Ngọc C do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự. Tách phần dân sự, để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng bị cáo C được hưởng từ việc làm giấy tờ giả cho T để bán chiếc xe, số tiền này do phạm tội mà có. Nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Lê Văn T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Nguyễn Ngọc C phạm tội: “Giả mạo trong công tác”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 30; Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 02 năm 06 tháng tù, thời hạn thi hành hình phạt được tình từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 359; khoản 2 Điều 65; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự**;** Điều 106; Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc C 02 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm, thời hạn thi hành thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Ngọc C do phạm tội mà có. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên theo biên lai số: 0005720 ngày 19/3/2019.

Về phần dân sự: Tách phần dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự khác, khi có yêu cầu.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận số tiền bồi thường 40.000.000 đồng giữa bị hại Lê Trung K và bị cáo Lê Văn T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án cấp trên./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên Tòa

Lương Văn Thanh

***Nơi nhận**
- *TAND tỉnh: 1;*
- *VKS tỉnh, huyện: 2;*
- *THADS :1;*
- *CA :1;*
- *THAPT: 1;*
- *Bị cáo, bị hại:2;*
- *NCQLNVLQ: 2;*
- *UBKT Huyện Ủy.1*

- UBND xã Trung Đồng.2
- Sở Tư pháp: 1;
- Lưu HS –TA: 2.